

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

QUÝ II/2011

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                | Mã số | Thuyết minh | QUÝ II          |                 | LỖY KẾ TỪ ĐẦU NĂM |                   |
|---------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------------|
|                                                         |       |             | Năm 2011        | Năm 2010        | Năm 2011          | Năm 2010          |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ               | 01    | VL.1        | 931,430,906,032 | 793,601,418,313 | 1,867,644,757,922 | 1,477,092,671,272 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                         | 02    | VL.1        | 7,734,337,202   | 334,123,094     | 7,786,594,277     | 931,412,213       |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ      | 10    | VL.1        | 923,696,568,830 | 793,267,295,219 | 1,859,858,163,645 | 1,476,161,259,059 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                     | 11    | VL.2        | 722,613,649,723 | 657,368,828,496 | 1,501,228,185,864 | 1,224,169,723,803 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 20    |             | 201,082,919,107 | 135,898,466,723 | 358,629,977,781   | 251,991,535,256   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                        | 21    | VL.3        | 39,483,990,990  | 10,926,426,369  | 68,814,049,093    | 33,765,661,440    |
| 7. Chi phí tài chính                                    | 22    | VL.4        | 33,719,877,128  | 15,187,648,178  | 57,779,051,042    | 35,746,816,543    |
| Trong đó: chi phí lãi vay                               | 23    |             | 17,981,680,821  | 10,856,410,051  | 33,233,840,027    | 22,587,454,346    |
| 8. Chi phí bán hàng                                     | 24    | VL.5        | 42,810,314,347  | 35,421,375,142  | 85,385,118,774    | 94,411,437,369    |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                         | 25    | VL.6        | 12,157,250,119  | 15,534,772,392  | 23,616,719,038    | 26,402,807,802    |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh             | 30    |             | 151,879,468,503 | 80,681,097,380  | 260,663,138,020   | 129,196,134,982   |
| 11. Thu nhập khác                                       | 31    | VL.7        | (175,012,262)   | 476,965,761     | 421,698,149       | 1,579,842,226     |
| 12. Chi phí khác                                        | 32    | VL.8        | 1,239,388,008   | 35,287,120      | 2,732,948,841     | 133,542,970       |
| 13. Lợi nhuận khác                                      | 40    |             | (1,414,400,270) | 441,678,641     | (2,311,250,692)   | 1,446,299,256     |
| 14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | 45    |             | -               | -               | -                 | -                 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                   | 50    |             | 150,465,068,233 | 81,122,776,021  | 258,351,887,328   | 130,642,434,238   |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành        | 51    | V.20        | 24,256,259,063  | 13,816,663,384  | 42,441,771,957    | 23,505,976,173    |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại         | 52    | V.16        | (1,078,580,239) | 1,062,602,330   | (1,228,355,927)   | (1,376,598,528)   |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp            | 60    |             | 127,287,389,409 | 66,243,510,307  | 217,138,471,298   | 108,513,056,593   |
| 18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số            | 61    |             | 5,133,952,700   | 1,056,130,879   | 12,132,073,736    | 1,639,707,835     |
| 18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ      | 62    |             | 122,153,436,709 | 65,187,379,428  | 205,006,397,562   | 106,873,348,758   |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                            | 70    | VL.9        | 2,658           | 1,400,463       | 4,461             | 2,994             |

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 08 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN**

Trưởng Thị Lệ Khanh

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kim Đào

Kế toán trưởng